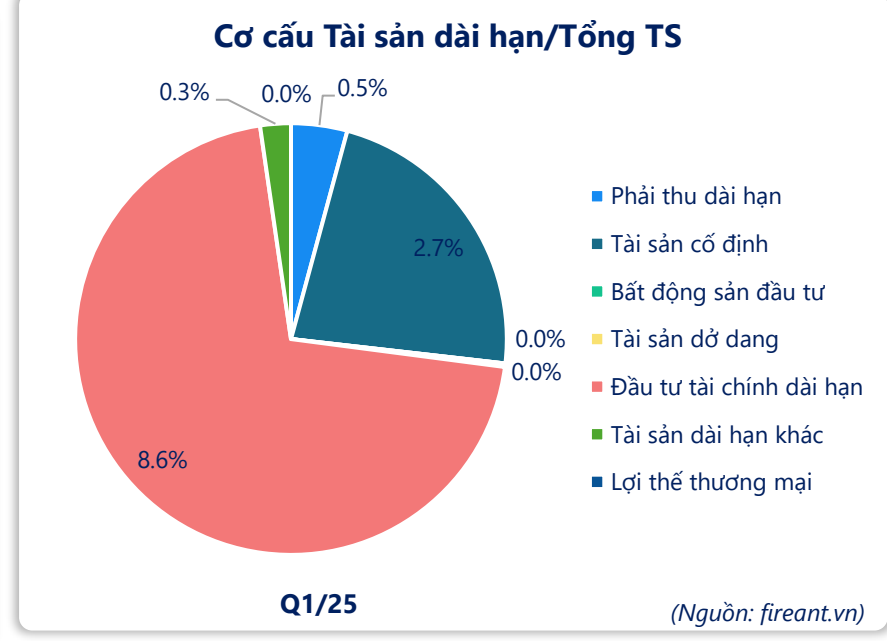
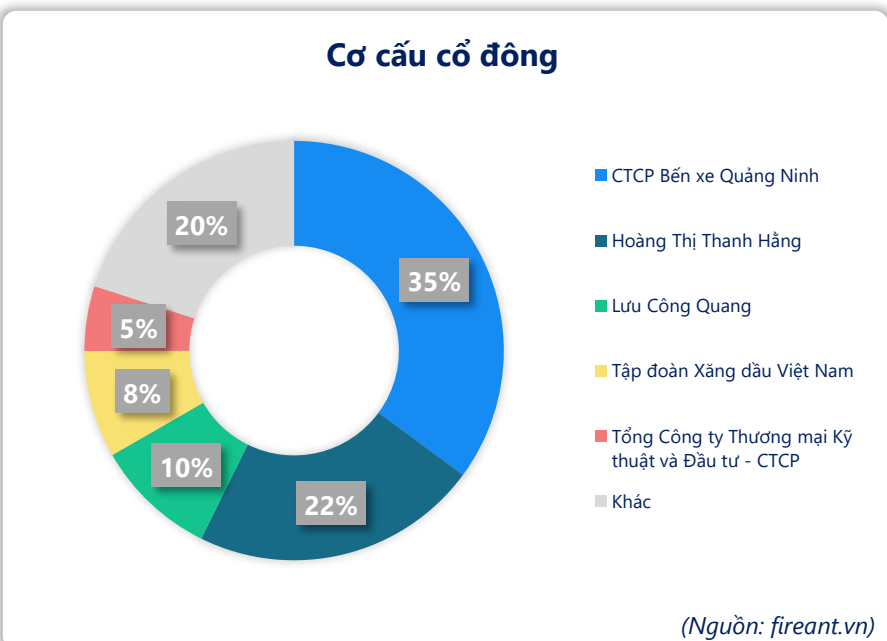
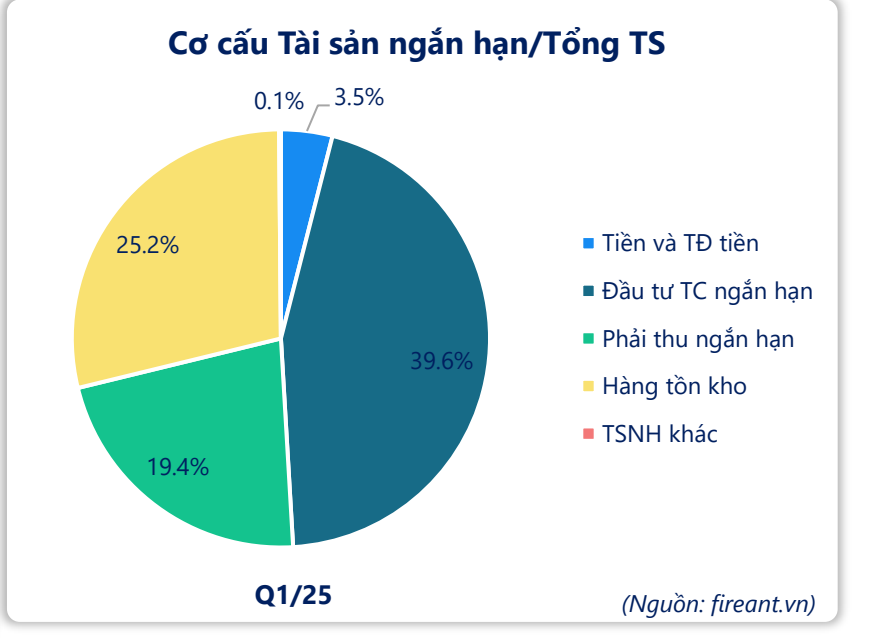
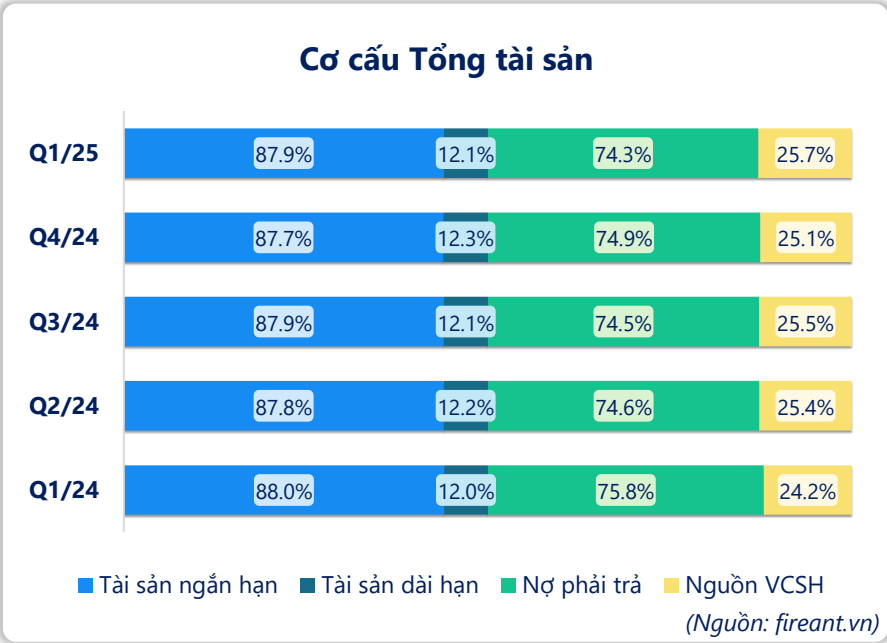
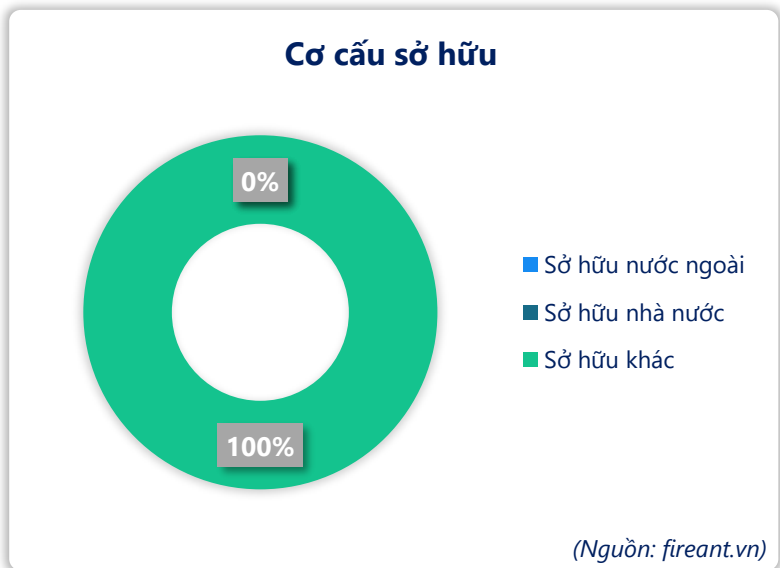
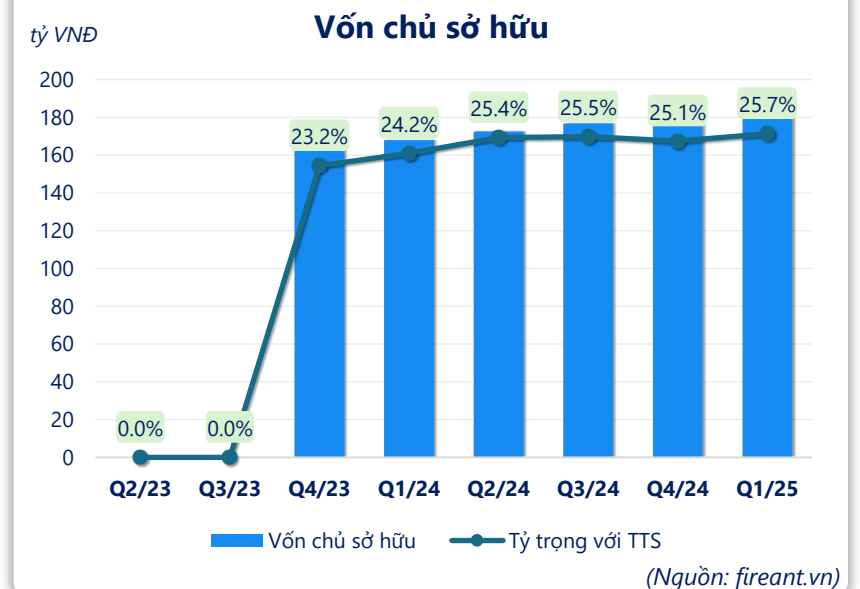
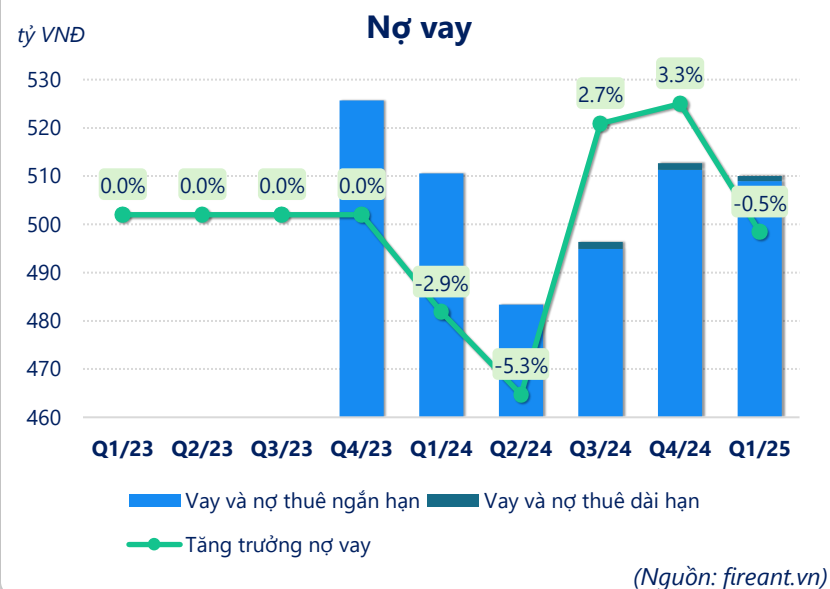
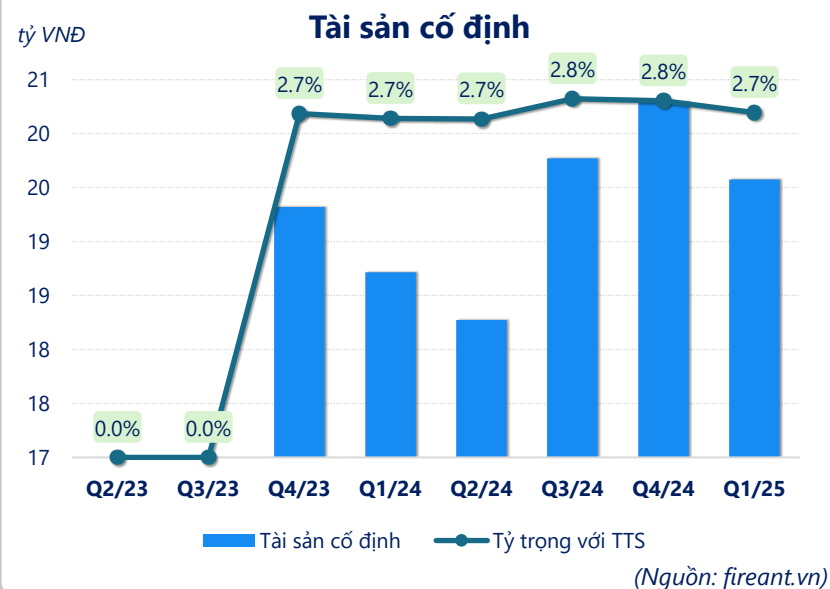
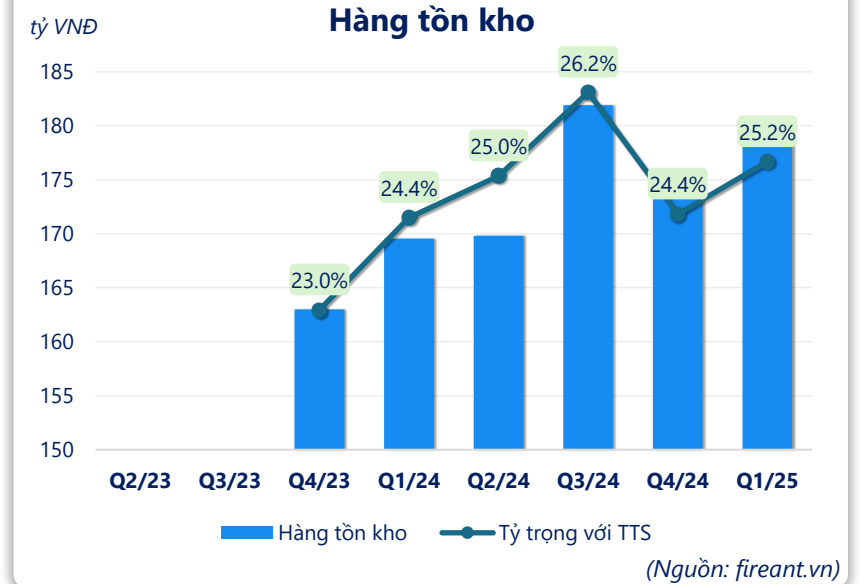
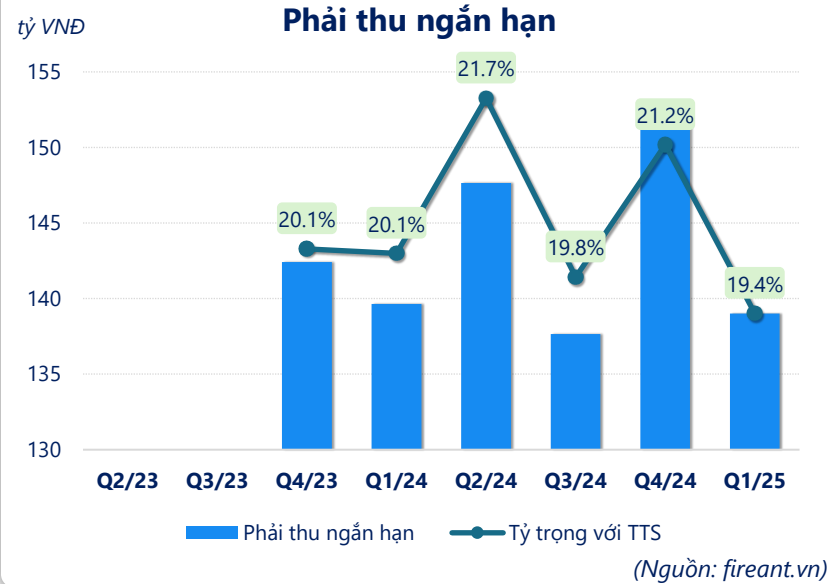
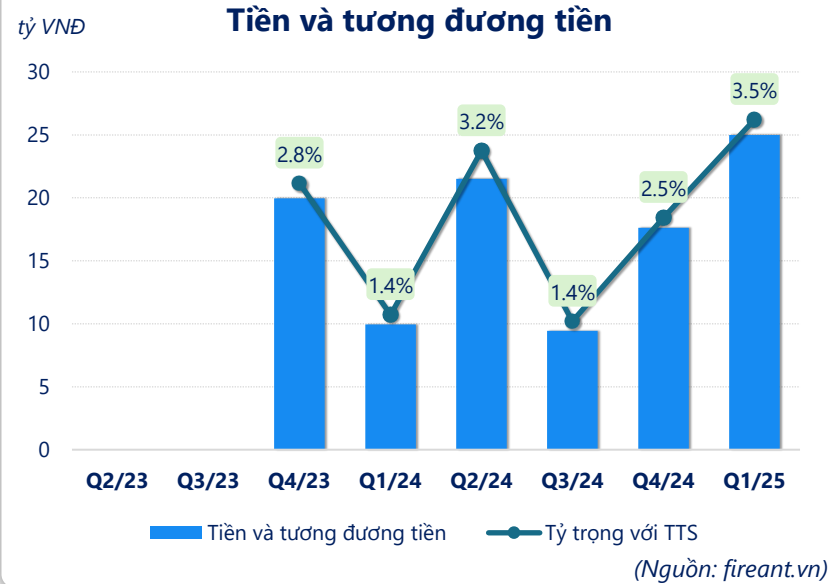
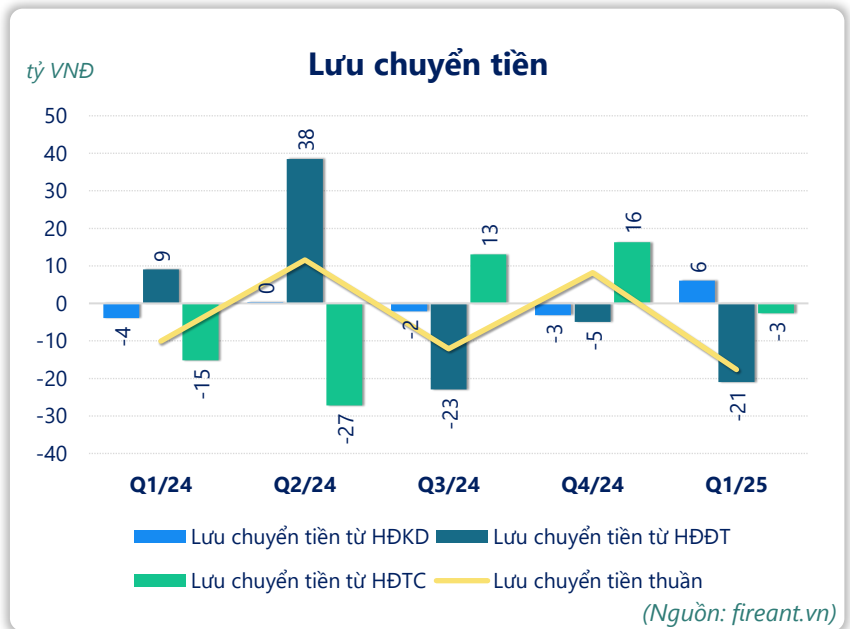
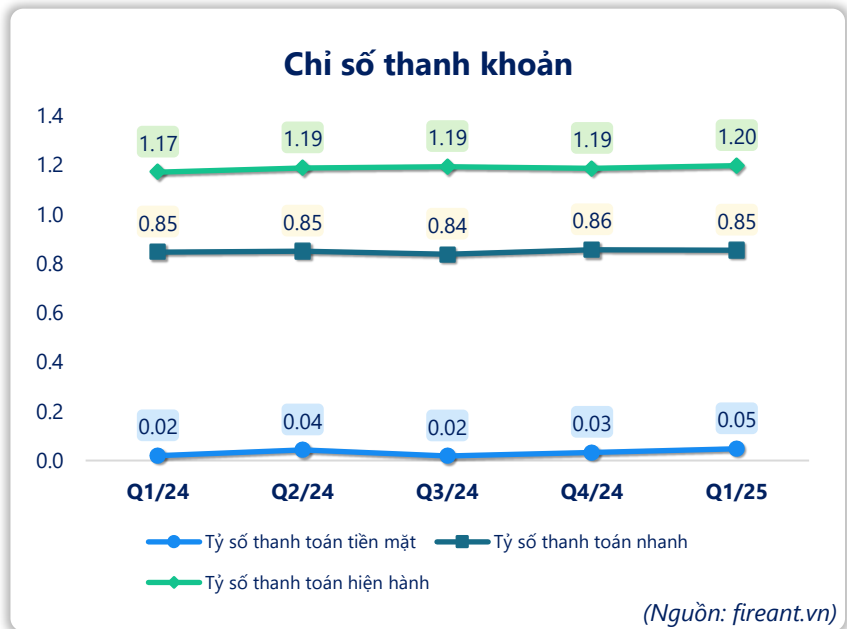
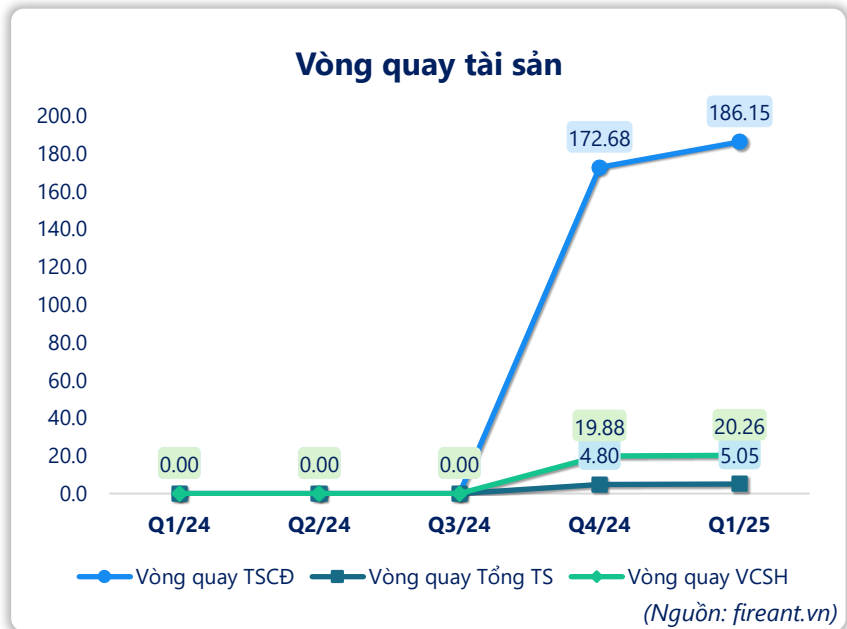
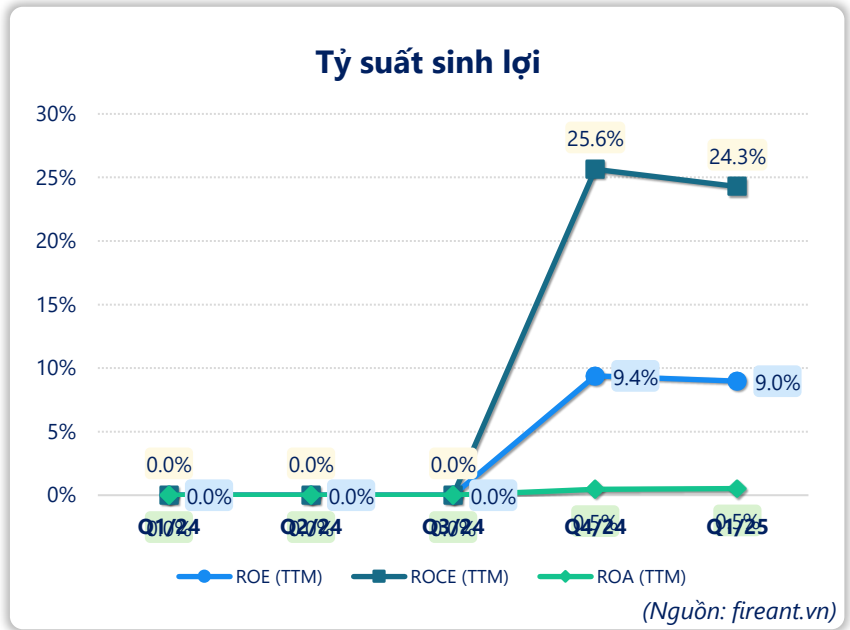
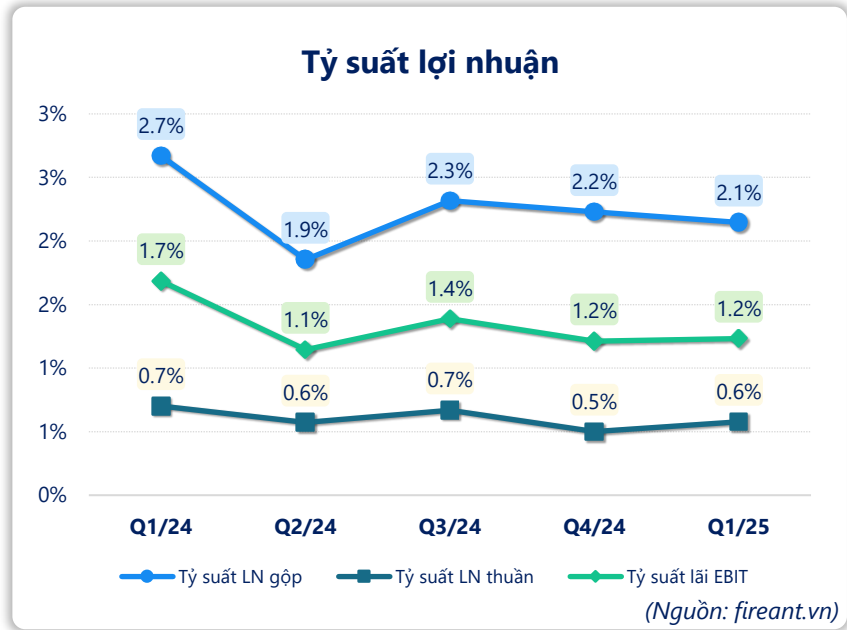
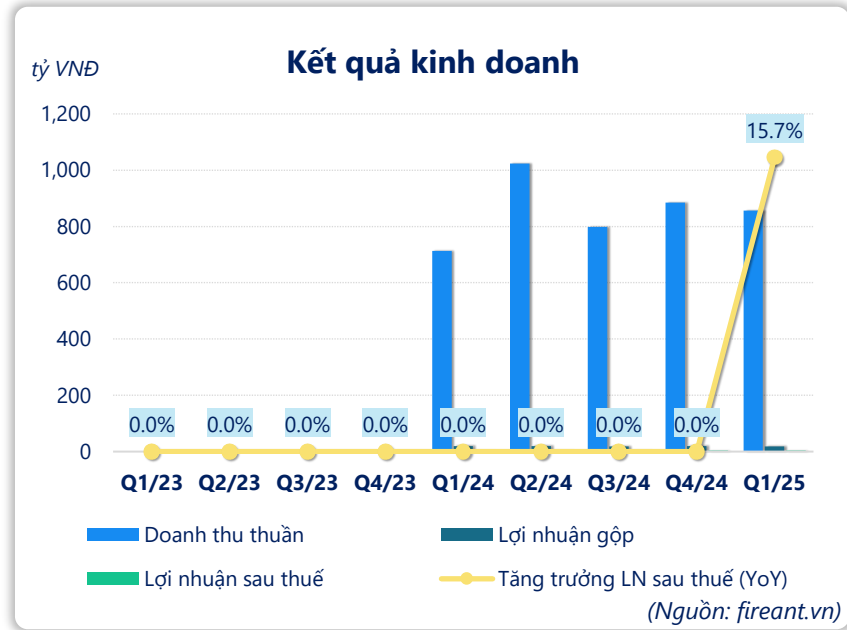


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
SL cổ phiếu LH		15,848,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,320
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		144
P/E		9.1
EPS		996

	YTD	1T	3T	6T
BMF	4.6%	7.1%	-3.2%	-3.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	715	717	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	628	629	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	25.0	42.6	-41.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	283	258	9.7%
Phải thu ngắn hạn	139	152	-8.6%
Hàng tồn kho	180	175	2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.57	56.5%
Tài sản dài hạn	86.6	88.0	-1.6%
Phải thu dài hạn	3.65	4.14	-11.9%
Tài sản cố định	19.6	20.3	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	61.2	61.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.99	2.16	-7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	531	537	-1.0%
Nợ ngắn hạn	525	530	-1.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	509	512	-0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.22	2.17	2.5%
Nợ dài hạn	6.46	6.26	3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.09	1.09	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	184	180	2.1%
Vốn chủ sở hữu	184	180	2.1%
Vốn điều lệ	158	158	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	713	1,024	799	885	857
Giá vốn hàng bán	694	1,005	780	865	838
Lợi nhuận gộp	19.0	19.0	18.5	19.7	18.4
Doanh thu HĐTC	4.30	3.35	2.97	3.13	3.29
Chi phí TC	7.06	5.87	5.84	6.17	5.83
Chi phí lãi vay	7.06	5.87	5.84	6.48	5.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.74	5.91	5.67	5.53	5.55
Chi phí QLDN	4.53	4.69	4.64	6.72	5.33
LN thuần từ HĐKD	5.00	5.86	5.33	4.43	4.95
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.01	-0.08	-0.20	-0.23
LN trước thuế	4.95	5.85	5.25	4.24	4.72
Lợi nhuận sau thuế	4.06	4.58	4.16	3.34	3.69
LNST của CĐ cty mẹ	4.06	4.58	4.16	3.34	3.69

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.90	0.32	-2.16	-3.15	6.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.05	38.4	-22.9	-4.97	-21.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.2	-27.2	13.0	16.3	-2.64
Tiền đầu kỳ	20.0	9.94	21.5	9.44	42.6
Lưu chuyển tiền thuần	-10.0	11.6	-12.1	8.18	-17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.94	21.5	9.44	17.6	25.0

(Nguồn: fireant.vn)